

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>E-ĐKC 1.1</b>	Chủ đầu tư (Bên A): Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
<b>E-ĐKC 1.3</b>	Nhà thầu (Bên B): ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
<b>E-ĐKC 1.11</b>	<p>Địa điểm dự toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm cung cấp hàng hóa: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hàng đã được bốc dỡ khỏi phương tiện vận chuyển và giao tại Kho vật tư của Chủ đầu tư, Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam: áp dụng đối với mục 1 - 4 thuộc Phần hàng hoá.</li> <li>• Hàng đã được bốc dỡ khỏi phương tiện vận chuyển và giao tại Kho vật tư của Chủ đầu tư, Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1, Khu 8, Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam: áp dụng đối với mục 5 - 9 thuộc Phần hàng hoá.</li> </ul> </li> <li>- Địa điểm thực hiện dịch vụ: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhà thầu thực hiện và hoàn tất dịch vụ tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam và Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần, Số 1228 Độc Lập, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: áp dụng đối với mục 10 thuộc Phần dịch vụ.</li> <li>• Nhà thầu thực hiện và hoàn tất dịch vụ tại Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1, Khu 8, Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam và Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần, Số 1228 Độc Lập, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: áp dụng đối với mục 11 thuộc Phần dịch vụ.</li> </ul> </li> </ul>
<b>E-ĐKC 2.2</b> <b>(i)</b>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu;</li> <li>- E-HSMT;</li> <li>- Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).</li> </ul>
<b>E-ĐKC 4.1</b>	<p>Các thông báo cần gửi về Bên A theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người nhận: Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ Phần</li> <li>- Địa chỉ: Số 1228 Độc Lập, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</li> <li>- Điện thoại: 0254 392 4436</li> <li>- Fax: 0254 392 4437</li> <li>- Địa chỉ email: dungnt@eps.genco3.vn</li> </ul>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<p>Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải nộp cho Bên A một Bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 5% giá trị của hợp</li> </ol>

	<p>đồng là ..... VND (<i>Bằng chữ: .....</i>).</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên B có thể chọn một trong các hình thức sau: Nộp tiền mặt trực tiếp tại văn phòng Bên A, chuyển khoản hoặc dưới hình thức Thư bảo lãnh của Ngân hàng (phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang) và phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A về việc thực hiện bảo đảm thực hiện Hợp đồng này.</li> <li>3. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</li> <li>4. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị nêu trên và có hiệu lực phù hợp, nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trước 07 ngày lịch tính đến ngày hết hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng mà Bên A không nhận được văn bản gia hạn thì Bên A có quyền tịch thu 100% số tiền Bảo đảm thực hiện hợp đồng nói trên của Bên B.</li> <li>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B không hoàn thành nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Trong trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng được sử dụng để bồi thường thì thực hiện bồi thường theo thiệt hại thực tế.</li> <li>6. Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;</li> <li>- Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>- Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của Bên B nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;</li> <li>- Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng.</li> </ul> <p><i>(Nếu Bên B là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh).</i></p> </li> </ol>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng của Bên B sẽ được giải tỏa không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng. Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.</p>
<b>E-ĐKC 6.1</b>	<p>Danh sách nhà thầu phụ: __ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i></p>

<b>E-ĐKC 7.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 10 ngày.</p> <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần tôn trọng, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau. Mọi thỏa thuận đều phải được thể hiện bằng văn bản.</li> <li>- Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Thành Phố Hồ Chí Minh để xét xử.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 9</b>	<p>Bên B phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu, bản vẽ kỹ thuật hoặc hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.</li> <li>- Chứng chỉ xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp hoặc xác nhận (nếu là hàng nhập khẩu): Bản gốc hoặc bản liên 2 (bản đóng dấu “Copy” của cơ quan có thẩm quyền cấp) hoặc bản điện tử được phát hành hợp lệ - áp dụng với các mục 1 - 9 thuộc Phần hàng hoá.</li> <li>- Chứng chỉ chất lượng (hoặc chứng chỉ khác có giá trị tương đương) do Nhà sản xuất hoặc Văn phòng đại diện của Nhà sản xuất cấp: Bản gốc hoặc bản điện tử được phát hành hợp lệ - áp dụng với các mục 1 - 9 thuộc Phần hàng hoá.</li> <li>- Tờ khai hải quan và bảng liệt kê chi tiết hàng hóa đính kèm (nếu là hàng nhập khẩu): Bản sao đóng dấu của Bên B, có thể hiện đầy đủ thông tin số tờ khai - áp dụng với các mục 1 - 9 thuộc Phần hàng hoá.</li> <li>- Chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu và/hoặc thuế giá trị gia tăng do cơ quan chức năng phát hành (nếu có): Bản sao đóng dấu của Bên B.</li> <li>- Giấy bảo hành hàng hóa: Bản gốc.</li> </ul> <p>Bên A phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Bên B sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói.
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá hợp đồng: Cố định.
<b>E-ĐKC 12.3</b>	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 13.1</b>	<p>Tạm ứng:</p> <p>1. Sau khi hợp đồng có hiệu lực, trong vòng 30 ngày lịch Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B một khoản tiền tương đương 20% giá trị của Phần hàng hoá (chưa bao gồm thuế GTGT) và Bên A nhận được các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B (bản gốc);</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo lãnh tạm ứng theo quy định (bản gốc).</li> <li>2. Giá trị tạm ứng sẽ được Bên A tiến hành khấu trừ dần khi Bên A thanh toán cho Bên B (tương ứng với tỷ lệ tạm ứng). Khi Bên A thanh toán đến 80% giá trị của hợp đồng (đã bao gồm 20% giá trị tạm ứng) cho Bên B thì Bên A sẽ tiến hành khấu trừ toàn bộ giá trị tạm ứng.</li> <li>3. Bảo lãnh tạm ứng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị của bảo lãnh tạm ứng: Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền mà Bên A tạm ứng cho Bên B.</li> <li>- Hình thức bảo lãnh tạm ứng: Thư bảo lãnh của Ngân hàng được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và là bảo lãnh không huỷ ngang, vô điều kiện.</li> <li>- Hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng: Bảo lãnh có hiệu lực cho đến khi Bên A tiến hành khấu trừ toàn bộ giá trị tạm ứng.</li> <li>- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</li> <li>- Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích;</li> <li>• Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng;</li> <li>• Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>
<b>E-ĐKC 14.2</b>	<p>Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán chuyển khoản cho Bên B đến 100% giá trị cho từng đợt (hàng hoá đạt yêu cầu và thực hiện dịch vụ đạt yêu cầu) (đã bao gồm khấu trừ tạm ứng) kể từ ngày Bên A nhận đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa đơn GTGT theo quy định (đối với Phần dịch vụ của từng đợt).</li> <li>- Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc).</li> <li>- Biên bản nghiệm thu hàng hóa của từng đợt (bản gốc).</li> <li>- Biên bản nghiệm thu và quyết toán giá trị hoàn thành công việc của từng đợt (bản gốc).</li> <li>- Giấy bảo hành dịch vụ của từng đợt (bản gốc).</li> <li>- Bảo lãnh bảo hành của từng đợt theo quy định tại Khoản 3 E-ĐKC 23.3 (bản gốc).</li> </ul> <p>Đồng tiền thanh toán: là đồng Việt Nam.</p>

<b>E-ĐKC 15.2</b>	Quyền: Mục 1, 5 thuộc Phần hàng hoá là bản quyền phần mềm vĩnh viễn khi Bên B cung cấp cho Bên A.
<b>E-ĐKC 18.2</b>	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Bên bán sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu, phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng tới địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải đảm bảo hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng tới địa điểm giao hàng quy định.
<b>E-ĐKC 19</b>	Nội dung bảo hiểm: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 20.1</b>	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Bên B phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Bên B thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 20.2</b>	Các dịch vụ bao gồm: Theo quy định của hợp đồng.
<b>E-ĐKC 21.1</b>	<p>1. Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng, đảm bảo tương thích và lắp đặt được với thiết bị hiện hữu.</li> <li>- Trong trường hợp cần thiết Bên A sẽ tiến hành lắp đặt hàng hóa vào các thiết bị hiện hữu đang sử dụng và chạy thử nghiệm đảm bảo các thông số kỹ thuật phù hợp, đủ điều kiện để nghiệm thu. Nếu hàng hóa không phù hợp, không tương thích với các thiết bị hiện hữu tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 hoặc Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 thì Bên A có quyền từ chối tiếp nhận hàng hóa.</li> <li>- Trường hợp Bên B không đồng ý với kết quả nghiệm thu của Bên A, thì Bên B có quyền thuê Bên thứ 3 để kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (Bên thứ 3 do hai bên thỏa thuận), chi phí cho việc thuê Bên thứ 3 sẽ do Bên B chịu. Việc kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa này được áp dụng cho cả trường hợp Bên B đổi/thay thế hàng hóa theo quy định của Hợp đồng.</li> <li>- Khi hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp thì Bên B phải chịu phạt vi phạm trách nhiệm theo quy định tại Mục E-ĐKC 22.</li> <li>- Khi thực hiện các nội dung nêu tại Điều này, Bên B không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.</li> <li>- Kiểm tra chứng từ: kiểm tra sự phù hợp và thống nhất giữa các chứng từ kèm theo hàng hóa.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên B phải giao và chỉ được xem là hoàn thành nghĩa vụ giao hàng và chứng từ kèm theo khi giao hàng hóa đúng quy cách, chất lượng và đúng, đầy đủ tài liệu, chứng từ kèm theo.</li> <li>- Bên A có quyền từ chối không nhận hàng nếu hàng giao không đúng các yêu cầu và/hoặc không có đầy đủ tài liệu, chứng từ kèm theo hoặc chứng từ kèm theo không phù hợp với hàng hóa được giao như quy định của hợp đồng.</li> <li>- Trường hợp chứng từ được giao không đúng yêu cầu, không phù hợp với hàng hóa được giao, có sai sót, bất hợp lý thì Bên A sẽ hoàn trả cho Bên B tất cả các chứng từ này để Bên B khắc phục. Trường hợp Bên B khắc phục không đúng thời gian quy định tại Điều 7 hợp đồng, thì Bên B phải chịu phạt vi phạm trách nhiệm theo quy định tại E-ĐKC 22.</li> <li>- Việc giao nhận hàng hóa, chứng từ giữa hai bên phải được thể hiện đầy đủ trên phiếu giao nhận hàng.</li> </ul> <p>2. Nghiệm thu hàng hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng hóa trước khi sử dụng sẽ được Bên A kiểm tra và tổ chức nghiệm thu. Bên A chỉ đồng ý nghiệm thu hàng hoá trước khi lắp đặt khi hàng hoá do Bên B cấp đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu kỹ thuật tại Điều 1 của hợp đồng.</li> <li>- Bên A sẽ phát hành biên bản nghiệm thu hàng hóa đạt yêu cầu thuộc Phần hàng hoá trong vòng 15 ngày lịch kể từ ngày Bên A nhận đúng, đủ hàng theo quy định tại Điều 1 và chứng từ kèm theo hàng hóa theo quy định tại E-ĐKC 9 của hợp đồng tại mỗi địa điểm.</li> </ul> <p>3. Nghiệm thu dịch vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên B phải thông báo trước cho Bên A tối thiểu 02 ngày làm việc để phối hợp nghiệm thu.</li> <li>- Trong vòng 15 ngày lịch kể từ khi nhân sự của Bên B kết thúc công việc thuộc Phần dịch vụ tại mỗi địa điểm và sau khi hệ thống bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, sẵn sàng đưa vào vận hành thì hai Bên cùng tiến hành nghiệm thu và lập biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 21.2</b>	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại địa điểm giao hàng.
<b>E-ĐKC 22</b>	<p>1. Phạt vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vì bất cứ lý do gì (ngoại trừ nguyên nhân bất khả kháng) hàng hoá/dịch vụ không được giao/Thực hiện đúng theo thời hạn quy định tại Điều 7 thì Bên B bị phạt 0,5% giá trị phần hàng hoá giao chậm/phần dịch vụ thực hiện chậm cho mỗi ngày chậm trễ; tổng giá trị các lần phạt không quá 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm (trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác).</li> <li>- Nếu sau 05 ngày lịch kể từ ngày đến hạn giao hàng hoá/Thực hiện dịch vụ quy định tại Điều 7 mà Bên B vẫn chưa giao hàng/chưa thực hiện dịch vụ thì Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng và trong trường hợp này Bên B sẽ bị phạt 8% giá trị hợp đồng (trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác).</li> </ul>

	<p>2. Phạt vi phạm chất lượng hàng hóa/chứng chỉ chất lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu kết quả nghiệm thu xác nhận chất lượng hàng hóa không đạt hoặc quy cách (thông số kỹ thuật, model, nhà sản xuất) của sản phẩm không đúng yêu cầu nêu ở Điều 1 hoặc cung cấp chứng chỉ chất lượng (hoặc chứng chỉ khác có giá trị tương đương) không đáp ứng quy định tại E-ĐKC 9 thì Bên A có quyền thực hiện một trong các cách thức sau (trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác): <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trả lại hàng, chấm dứt hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm.</li> <li>• Yêu cầu Bên B đổi hàng đạt chất lượng, đúng quy cách mà không được tính thêm chi phí. Việc đổi, giao lại hàng phải đảm bảo trong thời hạn quy định tại Điều 7 của hợp đồng. Trường hợp hàng được giao lại quá thời hạn nêu tại Điều 7 của hợp đồng thì sẽ xử lý như quy định tại Khoản 1 Điều này (trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác).</li> <li>• Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu (bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí nhân công, vật tư, chi phí khác để thực hiện điều chỉnh) đồng thời Bên B phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại (nếu có) do việc cung cấp hàng hóa không đáp ứng theo quy định của hợp đồng.</li> </ul> </li> </ul> <p>3. Phạt vi phạm chất lượng dịch vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu kết quả nghiệm thu xác nhận chất lượng dịch vụ không đạt hoặc công việc thực hiện không đúng yêu cầu nêu ở Điều 1 thì Bên A có quyền thực hiện một trong các cách thức sau (trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác): <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngừng thực hiện công việc, chấm dứt hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm.</li> <li>• Yêu cầu Bên B làm lại công việc cho đủ số lượng, đạt chất lượng mà không được tính thêm chi phí, việc thực hiện lại công việc đúng chất lượng phải đảm bảo trong thời hạn quy định tại Điều 7 của hợp đồng. Trường hợp công việc thực hiện lại đạt chất lượng quá thời hạn nêu tại Điều 7 của hợp đồng thì sẽ xử lý như quy định tại Khoản 1 Điều này.</li> <li>• Yêu cầu Bên B làm lại công việc cho đủ số lượng, đạt chất lượng mà không được tính thêm chi phí. Trường hợp công việc làm lại vẫn không đáp ứng yêu cầu theo Điều 1 thì Bên A có quyền tự tổ chức thực hiện hoặc thuê Bên thứ ba thực hiện. Trong trường hợp này, Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan, đồng thời, Bên B phải chịu phạt 8% giá trị phần dịch vụ không đạt chất lượng. Trong trường hợp Bên B từ chối trách nhiệm hợp đồng thì Bên A có quyền tuyên bố chấm dứt hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm, đồng thời Bên B phải chịu các chi phí cho việc Bên A thuê đơn vị khác</li> </ul> </li> </ul>
--	---

	<p>khắc phục các vi phạm nêu trên (trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác).</p> <p>4. Phạt vi phạm xuất xứ hàng hóa/Chứng chỉ xuất xứ/Tờ khai hải quan hàng hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu hàng được giao không đúng xuất xứ theo quy định trong hợp đồng hoặc không cung cấp được Chứng chỉ xuất xứ/Tờ khai hải quan theo quy định trong hợp đồng thì Bên A có quyền thực hiện một trong các cách thức sau (trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác): <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trả lại hàng, chấm dứt hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm;</li> <li>• Nhận hàng và phạt Bên B 8% giá trị hàng hóa không đúng xuất xứ/không có chứng chỉ xuất xứ/không có tờ khai hải quan.</li> <li>• Đổi hàng đúng xuất xứ theo quy định trong hợp đồng/cung cấp Chứng chỉ xuất xứ/Tờ khai hải quan theo quy định trong hợp đồng.</li> </ul> </li> </ul> <p>5. Trong trường hợp Bên B từ chối trách nhiệm hợp đồng thì Bên A có quyền tuyên bố chấm dứt hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm, đồng thời Bên B phải chịu các chi phí cho việc Bên A thuê đơn vị khác khắc phục các vi phạm nêu trên (trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác).</p> <p>6. Bên nào đơn phương chấm dứt thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng (trừ lý do bất khả kháng và điều kiện Bên A được quyền chấm dứt hợp đồng theo khoản 1, 2, 3, 4 Điều này) thì phải chịu phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>7. Trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng (nếu có) theo khoản 1, 2, 3, 4 Điều này thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản trước ít nhất 02 ngày làm việc.</p> <p>8. Ngoài việc phạt vi phạm theo quy định tại Điều này, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 8 Điều này.</p> <p><u>Ghi chú:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu việc đổi hàng nêu tại Khoản 2, 3, 4 Điều này làm chậm tiến độ giao hàng hoá/thực hiện dịch vụ quy định tại Điều 7 thì Bên B vẫn phải chịu phạt theo Khoản 1 Điều này và bồi thường các thiệt hại phát sinh (nếu có).</li> <li>- Giá trị hợp đồng làm căn cứ để tính phạt vi phạm hợp đồng là giá chưa bao gồm thuế GTGT.</li> <li>- Bên A có quyền cản trừ giá trị phạt vi phạm hợp đồng và giá trị bồi thường (nếu có) trong bất kỳ hợp đồng, đơn đặt hàng hoặc nghĩa vụ tài chính mà Bên A phải thanh toán cho Bên B. Trong trường hợp giá trị cản trừ lớn hơn giá trị hợp đồng, đơn đặt hàng hoặc nghĩa vụ tài chính mà Bên A phải thanh toán cho Bên B thì Bên B vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện thanh toán phần còn thiếu.</li> <li>- Trường hợp có thông tin xác thực từ nhà sản xuất (bằng văn bản hoặc email) về việc hàng hóa cung cấp không do nhà sản xuất chế</li> </ul>
--	---

	<p><i>tạo thì Bên A có quyền xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều này.</i></p> <p>9. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.          Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục E-ĐKC 26 của hợp đồng, nếu Bên B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hợp đồng thì ngoài việc bị phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều này Bên B còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên A, bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà Bên A phải chịu do Bên B vi phạm hợp đồng gây ra và khoản lợi mà Bên A đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm mà Bên B gây ra.</p>
<b>E-ĐKC 23.3</b>	<p>1. Thời hạn bảo hành là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần hàng hoá (mục 1 - 8): Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hàng đạt yêu cầu.</li> <li>- Phần hàng hoá (mục 9): Tối thiểu 36 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hàng đạt yêu cầu.</li> <li>- Phần dịch vụ (mục 10, 11): Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày có Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.</li> </ul> <p>2. Địa điểm để áp dụng bảo hành là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam: áp dụng đối với áp dụng đối với mục 1 - 4 thuộc Phần hàng hoá và mục 10 thuộc Phần dịch vụ.</li> <li>- Tại Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1, Khu 8, Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam: áp dụng đối với áp dụng đối với mục 5 - 9 thuộc Phần hàng hoá và mục 11 thuộc Phần dịch vụ.</li> <li>- Tại Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần, Số 1228 Độc Lập, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: áp dụng đối với mục 10, 11 thuộc Phần dịch vụ.</li> </ul> <p>3. Bảo lãnh bảo hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau khi Bên A phát hành biên bản nghiệm thu hàng hóa, dịch vụ đạt yêu cầu của từng đợt, Bên B có trách nhiệm nộp cho Bên A một bảo lãnh bảo hành nhằm đảm bảo trách nhiệm bảo hành, tương đương 5% giá trị hàng hóa, dịch vụ được bảo hành (đã bao gồm thuế GTGT).</li> <li>- Hình thức bảo lãnh bảo hành: Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang).</li> <li>- Hiệu lực bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực đến hết 28 ngày sau khi hết thời hạn bảo hành. Tại thời điểm 28 ngày trước khi bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà xét thấy nghĩa vụ bảo hành chưa kết thúc thì Bên B có nghĩa vụ gia hạn bảo lãnh bảo hành tương ứng với thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành tối thiểu 21 ngày. Trường hợp Bên B không thực hiện gia hạn Bên A có quyền tịch thu 100% giá trị bảo lãnh bảo hành.</li> <li>- Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh bảo hành khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây và việc tịch thu bảo lãnh bảo hành không</li> </ul>

	<p>làm miễn trừ cho Bên B nghĩa vụ bảo hành và các nghĩa vụ khác theo hợp đồng, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bên B không thực hiện trách nhiệm bảo hành theo quy định tại E-ĐKC 23.5, E-ĐKC 23.6 hợp đồng.</li> <li>• Bên B không gia hạn hiệu lực bảo lãnh bảo hành khi nghĩa vụ bảo hành chưa kết thúc theo quy định hợp đồng, Bên A có quyền tịch thu 100% giá trị bảo lãnh bảo hành.</li> <li>• Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày Bên A gửi thông báo yêu cầu Bên B thực hiện nghĩa vụ bảo hành mà Bên B không cử nhân sự tới kiểm tra/đưa ra giải pháp khắc phục/thực hiện trách nhiệm bảo hành theo quy định.</li> </ul>
<p><b>E-ĐKC 23.5</b> <b>E-ĐKC 23.6</b></p>	<p>Thời hạn sửa chữa, thay thế là:</p> <p>1. Bảo hành hàng hóa:</p> <p>Trong thời gian bảo hành, nếu hàng hóa bị hư hỏng, không sử dụng được, không đạt yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng do lỗi của nhà sản xuất hoặc của Bên B thì Bên B phải nhanh chóng khắc phục hư hỏng, bất thường bằng cách sửa chữa hay thay thế bằng hàng mới khác trong thời gian quy định cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên B phải có đội ngũ kỹ thuật sẵn sàng cho công tác bảo hành. Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu bảo hành của Bên A, Bên B phải cử nhân sự đến tại địa điểm bảo hành để tiến hành khảo sát tình trạng hư hỏng, bất thường của hàng hóa và có kế hoạch, giải pháp thực hiện sửa chữa, khắc phục các hư hỏng. Trường hợp, Bên B thực hiện bảo hành bằng giải pháp sửa chữa hàng hóa thì Bên B phải hoàn tất công tác sửa chữa trong vòng 05 ngày lịch kể từ ngày thống nhất phương án bảo hành. Nếu sau thời gian này Bên B vẫn chưa sửa chữa xong hoặc sửa chữa nhưng không đạt chất lượng thì Bên A có quyền thực hiện một trong các cách thức sau (trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác): <ul style="list-style-type: none"> <li>• Yêu cầu Bên B phải thay thế bằng hàng hóa mới trong thời gian bằng hoặc ngắn hơn thời gian giao hàng theo quy định của hợp đồng. Nếu thời gian giao hàng bị chậm trễ so với yêu cầu thì áp dụng điều khoản phạt do giao hàng trễ theo quy định.</li> <li>• Bên A có quyền tự tổ chức thực hiện, mọi chi phí liên quan do Bên B chịu trách nhiệm (bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí nhân công, vật tư, chi phí khác để thực hiện), đồng thời, Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại khoản 3 E-ĐKC 22 và bồi thường toàn bộ thiệt hại (nếu có) do việc bảo hành hàng hóa không đáp ứng theo quy định của Hợp đồng.</li> </ul> </li> <li>- Nếu sau thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày Bên A gửi thông báo yêu cầu Bên B sửa chữa hàng hóa cung cấp theo trách nhiệm bảo hành mà Bên B không tới thực hiện thì Bên A có quyền tự tổ chức thực hiện, mọi chi phí liên quan do Bên B chịu trách nhiệm.</li> </ul> <p>2. Bảo hành dịch vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời gian bảo hành, nếu dịch vụ không đạt yêu cầu về kỹ thuật mà do lỗi của Bên B thì Bên B phải hỗ trợ Bên A công tác đánh giá và các biện pháp xử lý từ xa qua các phương tiện truyền</li> </ul>

	<p>thông (email, chuẩn đoán hình ảnh, ...). Trong trường hợp Bên A xác định không thể khắc phục hư hỏng qua làm việc từ xa, Bên B phải cử chuyên gia kỹ thuật đúng chuyên môn làm việc tại công trường để khắc phục triệt để bất thường trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A.</p> <p>3. Bồi thường thiệt hại trong thời hạn bảo hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngoài việc yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo hành, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại do liên quan tới bản quyền, sản phẩm không đạt hợp chuẩn, hợp quy do Bên B cung cấp gây ra trong thời hạn bảo hành.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 27.7 (d)</b>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Bên A chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Bên A thanh toán cho Bên B 0% giá trị giảm giá hợp đồng.</p>

#### **Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

**Mẫu số 16 (Webform trên Hệ thống)****THƯ CHẤP THUẬN E-HSĐT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: \_\_\_\_ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của E-HSMT với số tiền \_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup> mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

*Ghi chú:*

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

**HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]Gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:***Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]Tài khoản: \_\_\_\_\_; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

<sup>(1)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:*

**Chủ đầu tư**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: \_\_\_\_; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

**Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Đơn vị được ủy quyền: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: \_\_\_\_; [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư kê khai*]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản:

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: \_\_\_\_\_ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

- Bên A tổ chức giao nhận và nghiệm thu hàng hoá theo quy định tại E-ĐKC 21.1.
- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu và thanh toán nếu Bên B không thực hiện đúng nội dung được duyệt/được hai Bên thỏa thuận hoặc không thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng.
- Bên A cử đại diện có đủ thẩm quyền để giải quyết những phát sinh, vướng mắc (nếu có) xảy ra khi được Bên B thông báo.
- Bên A thanh toán đúng hạn cho Bên B. Nếu quá thời hạn nêu ở Điều 5 mà Bên A chậm chuyển trả thì Bên A sẽ chịu phạt trả lãi trên những ngày chậm trả thực tế theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Phú Mỹ tại thời điểm thanh toán.
- Bên A thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

- Bên B thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKC và ĐKCT.
- Bên B phải gửi văn bản thông báo giao hàng cho Bên A tối thiểu 02 ngày làm việc trước khi giao hàng. Trong thông báo cần nêu rõ tên hàng/hạng mục hàng, số lượng, khối lượng, kích thước hàng sẽ giao để Bên A bố trí kho bãi, nhân sự cho việc nhận hàng.
- Bên B giao hàng đúng quy cách, chất lượng, xuất xứ, số lượng như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này và cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ quy định tại ĐKC và ĐKCT cho Bên A. Trường hợp Bên B không thực hiện đúng các quy định nêu trên thì Bên A sẽ tiến hành đánh giá uy tín và xem xét năng lực của Bên B khi Bên B tham dự thầu các gói thầu tiếp theo của Bên A.
- Bên B phải đảm bảo rằng hàng hóa mà Bên B cung cấp sau khi hoàn tất lắp đặt thì hệ thống, các thiết bị này được vận hành ổn định, tin cậy. Nếu hệ thống, các thiết bị này hoặc các thiết bị, hệ thống khác của Bên A bị ảnh hưởng, bị hư hỏng do chất lượng hàng hóa/dịch vụ của Bên B cung cấp thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định cho Bên A.
- Trước khi thực hiện dịch vụ 04 (bốn) tuần, Bên B thực hiện phương án kỹ thuật bao gồm: nhân công, tiến độ, phương án thực hiện, sơ đồ đấu nối chi tiết, sơ đồ kết nối, các bản vẽ liên quan, ... và trình cho Bên A xem xét thống nhất trước khi thực hiện.
- Nhân sự của Bên B khi ra vào làm việc tại địa điểm của Bên A phải chấp hành mọi quy định, nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A tại nơi làm việc.
- Thông báo bằng văn bản cho Bên A danh sách nhân viên công tác, vật tư, máy móc thiết bị, dụng cụ mang theo trước 03 ngày làm việc để Bên A thực hiện thủ tục ra/vào cổng nhà máy.
- Bên B phải đảm bảo nhân sự thực hiện công việc đã được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo Quy định của pháp luật hiện hành, khi ra vào làm việc tại địa điểm của Bên A phải mang theo bản gốc Thẻ An toàn - Vệ sinh lao động và phải chấp hành, tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về An toàn điện, An toàn - Vệ sinh lao động, bao gồm nhưng không giới hạn bởi quy định của Luật An toàn, Vệ sinh Lao động, Nghị định số 39/2016/NĐ-CP, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH và các văn bản Pháp luật liên quan. Đồng thời, nhân sự của Bên B phải chấp hành, tuân thủ đúng, đầy đủ nội quy lao động, quy định tại nơi làm việc và thực hiện đúng theo hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A, Bên thứ ba và điện lực địa phương.
- Bên B đảm bảo quyền sử dụng bản quyền đi kèm thiết bị cho Bên A là sử dụng vĩnh viễn mà không tính chi phí phát sinh và không bị tranh chấp bởi Bên thứ 3 về Quyền Sở hữu trí tuệ.

- Trong quá trình sử dụng, khi có nâng cấp, thay đổi tính năng phần mềm thì Bên B/Nhà sản xuất phải kịp thời thông báo cho Bên A và hỗ trợ Bên A cài đặt khi có yêu cầu.
- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý trong việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định của Pháp luật đối với nhân sự của Bên B và các cơ quan chức năng trong quá trình thực hiện công việc.
- Bên B bảo hành hàng hoá theo quy định tại ĐKC và ĐKCT.
- Bên B không có quyền chuyển nhượng bất kỳ quyền lợi hoặc nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này cho Bên thứ 3 nào khác mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng và ngay cả sau khi đã kết thúc Hợp đồng, khi không có sự cho phép của Bên A, Bên B không được tiết lộ, sử dụng bất kì thông tin nào có được trong quá trình giao dịch bằng văn bản, lời nói, tài liệu điện tử hay bất kì hình thức nào khác, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về bí mật kinh doanh, tình hình tài chính, quy định, sản phẩm, công nghệ, nhân sự của Bên A trừ trường hợp đây là các thông tin đã được công bố rộng rãi hoặc buộc cung cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Bên B thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng.

#### **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.
2. Phương thức thanh toán: \_\_\_\_ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT]*.

#### **Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*.

#### **Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng.
2. Hợp đồng kết thúc và xem như đã thanh lý trên cơ sở các Bên hoàn thành trách nhiệm của mình theo qui định trong hợp đồng này.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
NHÀ THẦU**  
*[xác nhận, chữ ký số]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN**  
*[xác nhận, chữ ký số]*

**PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

*Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.*

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); <sup>(1)</sup>

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(3)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_ [ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(3)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

*[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu,*

*- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]<sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

**Người ủy quyền**

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.